TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/ DS-ST
Ngày : 18-7-2023.
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mi Mi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Kim Trang.

2/ Ông Đặng Văn Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Kim Quy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện*** **Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Sáu – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 29/2023/TLST – DS ngày 15 tháng 02 năm 2023, về việc: "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST–DS ngày 14/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-DS ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thành T - Sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Trúc L - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị B - Sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt ông T, bà B, vắng mặt bà L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/01/2023 và tại bản khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Thành T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê

Thị B trình bày: Ông và bà Lê Thị B là vợ chồng với nhau. Do được sự giới thiệu của người khác mới biết bà Phạm Thị Trúc L chuyên đi làm giấy tờ, sổ đỏ cho người dân. Do đó, vào ngày 17/7/2022 bà Phạm Thị Trúc L (bà L không có chồng) có nhận của ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông và số tiền 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Mục đích ông giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền trên là để điều chỉnh lại diện tích trong sổ. Khi nhận làm thủ tục điều chỉnh diện tích của ông thì bà L có viết cho ông 01 giấy tay với nội dung: "…Nhận giấy tờ làm. Tôi tên Phạm Thị Trúc L sinh năm 1975…..tôi có nhận của ông Phạm Thành T một cuốn sổ đỏ để điều chỉnh lại sát minh diện tích đất, với số tiền để làm là 25 triệu để làm cho ông T – khi nào xong tôi sẽ trao lại cho ông T – còn có gì trở ngại trong công việc làm – Tôi sẽ hoàn toàn trả lại số tiền trên cho ông T. Người viết ký tên Phạm Thị Trúc L và đóng dấu nhà trọ Kiều Lâm…". Tuy nhiên, thời gian rất lâu bà L vẫn không làm xong theo như thỏa thuận, ông đã nhiều lần liên hệ bà L bằng điện thoại và biết bà L cố tình lẩn tránh nên ông mới kêu bà L trả lại giấy tờ và tiền cho ông tự đi làm. Khi ông tìm đến nhà bà L ở Thôn 4, xã Hàm Đức thì không gặp bà L mà gặp con rễ của bà L đã mang trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông (thời gian trả vào khoảng tháng 12/2022) nhưng số tiền 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) thì bà L không trả mà cứ hẹn hết lần này đến lần khác và trốn đến nay. Sau đó, ông làm đơn nộp Công an xã Hàm Đức thì Công an yêu cầu ông nộp tại Tòa án. Nay vợ chồng ông yêu cầu bà Phạm Thị Trúc L phải trả cho vợ chồng ông số tiền đã nhận 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Phạm Thị Trúc L vắng mặt nên không có bản khai tại hồ sơ.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 203 và Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 106, Điều 115, Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 197 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành T. Buộc bà Phạm Thị Trúc L phải trả lại cho vợ chồng ông Phạm Thành T và bà Lê Thị B số tiền 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:*

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp yêu cầu bị đơn trả số tiền đã giao cho bị đơn làm sổ. Đây là tranh chấp đòi lại tài sản. Bị đơn bà Phạm Thị Trúc L có địa chỉ tại thôn 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn bà Phạm Thị Trúc L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự

[2] *Về nội dung:* Căn cứ lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định: Bà Phạm Thị Trúc L có viết tờ giấy với nội dung "…Nhận giấy tờ làm. Tôi tên Phạm Thị Trúc L sinh năm 1975…..tôi có nhận của ông Phạm Thành T một cuốn sổ đỏ để điều chỉnh lại sát minh diện tích đất, với số tiền để làm là 25 triệu để làm cho ông T – khi nào xong tôi sẽ trao lại cho ông T – còn có gì trở ngại trong công việc làm – Tôi sẽ hoàn toàn trả lại số tiền trên cho ông T. Người viết ký tên Phạm Thị Trúc L và đóng dấu nhà trọ Kiều Lâm…". Về phía bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận, trốn tránh không có ý kiến gì phản hồi, từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nên có căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm việc thỏa thuận giữa các bên.

Từ những nhận định trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà L đã nhận của ông T số tiền làm sổ là 25.000.000 đồng. Số tiền đưa cho bà L là tiền chung của vợ chồng ông T, bà B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành T. Buộc bà Phạm Thị Trúc L phải trả lại số tiền đã nhận 25.000.000 đồng cho ông T, bà B là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật

[3] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Thành T, buộc bà Phạm Thị Trúc L phải trả lại số tiền đã

nhận 25.000.000 đồng cho ông T, bà B như qua phân tích ở trên là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Thành T được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Phạm Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Thành T và bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 105, Điều 115, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 145, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành T, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Trúc L phải trả lại số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) cho ông Phạm Thành T và bà Lê Thị B

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Bà Phạm Thị Trúc L phải chịu 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Thành T, bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (thuộc trường hợp miễn).

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/7/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị MM

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mi Mi